

QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ CHỨNG NHẬN

1. Mục đích: quy định này hướng dẫn cơ cấu tính phí đánh giá chứng nhận dùng trong chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, chứng nhận VietGAP.

2. Nội dung:

2.1. Tính phí đánh giá cấp chứng nhận VietGAP/ Hữu cơ

- ❖ Phí đánh giá chứng nhận bao gồm: phí đánh giá và phí chứng chỉ
 - Phí đánh giá bao gồm ngày công xem xét tài liệu, công đánh giá tại cơ sở và lấy mẫu, thẩm xét sau đánh giá: 3.500.000 đồng/ngày công (manday)
 - Phí chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ
 - Phí đánh giá được tính trên cơ sở ngày công. Một cuộc đánh giá thông thường như sau:
 - + Đánh giá tài liệu : 1 ngày công
 - + Đánh giá tại cơ sở sản xuất: 2 ngày * 2 chuyên gia = 4 ngày công
 - Ngày công được tính chỉ là giá định, nếu thời gian cho đánh giá chứng kiến thay đổi thì tổng số ngày công cũng sẽ thay đổi theo.
 - Phí ăn ở, đi lại, phí phân tích: tính theo thực tế
 - Phí trên chưa bao gồm VAT 10%

2.2. Tính phí và thời lượng ngày công chứng nhận sản phẩm PT5 (phân bón, dệt may)

- Chi phí đánh giá hệ thống & sản phẩm đầu tiên : 10.000.000đ
- Chi phí đánh giá cho từng sản phẩm (bắt đầu từ sản phẩm thứ 2 trở đi):
 - ❖ 5.000.000đ/sản phẩm phân hữu cơ.
 - ❖ 3.000.000/sản phẩm phân vô cơ.
 - ❖ 5.000.000đ/sản phẩm dệt may

Phí trên chưa bao gồm VAT 10%.

Lưu ý: Phí này có thể thay đổi tùy thuộc vào các chỉ tiêu phân tích mẫu.

Phí ăn ở, đi lại tính theo thực tế.

Cách tính ngày công bao gồm :

Số sản phẩm đăng ký CN	Đánh giá tài liệu	Đánh giá tại văn phòng	Đánh giá chứng kiến, lấy mẫu	Lập và thẩm xét hồ sơ
1-5	1 - 2	0,5	0,5	2
6-10	1 - 2	1	1	2
11-20	3	1	1	2
21-30	4	2	1	3
31-40	5	2	1	3
41-50	6	2	1	3

- ❖ Ngày công được tính chỉ là giá định, nếu thời gian cho đánh giá chứng kiến thay đổi thì tổng số ngày công cũng sẽ thay đổi theo.

2.3. Phí chứng nhận Phương thức 7

- Phí chứng nhận PT 7 bao gồm:

Phí đánh giá lô hàng + phí phân tích mẫu và phí ăn ở, đi lại (nếu có).

- Phí đánh giá phụ thuộc vào hàng cont, hàng xá, số lượng mặt hàng.